

Bản án số: 18 /2018/HSST
Ngày 27 tháng 9 năm 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHỤC HOÀ, TỈNH CAO BẰNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Hoàng Thị Thúy**
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
 - + Ông **Đàm Văn Nhượng**
 - + Ông **Thạch Văn Phong**
- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Mã Thư Viện**- Thư ký Tòa án.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phục Hoà tham gia phiên toà:* Ông **Nông Văn Cường** - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phục Hoà, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 13/2018/HSST ngày 30/5/2018 đối với các bị cáo:

1- Nguyễn Văn T - Sinh ngày 15/3/198x.

Nơi cư trú: xóm P, xã M, huyện S, thành phố Hà Nội.

Nghề nghiệp: Không nghề; trình độ văn hoá: 09/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông: Nguyễn Xuân K - Sinh năm 1958 và con bà: Phạm Thị L - Sinh năm 1965; có vợ: Nguyễn Thị N(đã ly hôn năm 2014); con: chưa có; tiền án: Có 01 tiền án, ngày 28/12/2016 bị Tòa án nhân dân huyện Phục Hoà, tỉnh Cao Bằng xử phạt 06 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; tiền sự: Không có; bị cáo bị bắt từ ngày 23/3/2018, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Phục Hoà, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

2- Nguyễn Văn T1 - Sinh ngày 10/10/197x

Nơi cư trú: xóm P, xã M, huyện S, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Không nghề; trình độ văn hoá: 03/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn G (đã chết) và con bà Nguyễn Thị TH - Sinh năm 1949; vợ Nguyễn Thị D (đã ly hôn năm 2017); Con: Có 02 con (lớn 17 tuổi, nhỏ 15 tuổi); tiền án, tiền sự: Không có; bị cáo bị bắt từ ngày 31/8/2018, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Phục Hoà, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

- *Người bị hại:* **Nguyễn Văn Anh H** - Sinh năm 197x

Trú tại: xóm B, thị trấn H, huyện PH, Cao Bằng. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* **Phạm Quang A** - Sinh năm 199x
Trú tại: Thôn Đ, xã Q, huyện S, thành phố Hà Nội. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn T do quen biết với Nguyễn Văn Anh H từ năm 2017, nên ngày 31/01/2018 T đi xe khách từ Hà Nội lên Xưởng cơ khí Huy Hùng tại xóm B, thị trấn H, huyện PH, tỉnh Cao Bằng chơi với H. Khoảng 02 ngày sau, Nguyễn Văn T1 cũng đi xe khách lên Xưởng cơ khí của H chơi. Trong thời gian đến chơi, T và T1 được H cho mượn chiếc xe máy biển kiểm soát (BKS) 11S1-019.7x để đi lại. Được H cho mượn xe, T nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe của H đem về Hà Nội cầm đồ lấy tiền trả nợ nên tối ngày 03/02/2018 tại Xưởng cơ khí của H, T nói với T1: "anh em ở đây chơi vài hôm nữa rồi lấy xe máy của H về cầm đồ lấy tiền trả nợ", nghe T nói vậy, T1 chỉ tay vào chiếc xe máy 11S1-019.7x và hỏi "xe này à?" thì T trả lời "ừ". Khoảng 00 giờ ngày 06/02/2018, lợi dụng H đi vắng, T và T1 đã mang chiếc xe máy mà H cho mượn đi về Hà Nội rồi mang vào hiệu cầm đồ Phương Bắc tại xã M, huyện S, Hà Nội cầm đồ được 8.500.000đồng. T và T1 lấy tiền đi trả nợ chung của cả hai người hết 4.000.000đồng, số tiền còn lại T được 2.500.000đồng, T được 2.000.000đồng, các bị cáo đã sử dụng và tiêu sài cá nhân hết, không có tiền chuộc xe để trả cho H. Sau khi T và T1 lấy xe đi, H đã nhiều lần gọi điện nhưng không liên lạc được nên đã có đơn trình báo đến Công an huyện Phục Hòa, tỉnh Cao Bằng. Qua kiểm tra, xác minh ngày 22/3/2018 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Phục Hòa, Cao Bằng đã thu giữ chiếc xe máy 11S1-019.7x cùng sổ Hộ khẩu và Thẻ căn cước công dân của T1 tại hiệu cầm đồ Phương Bắc.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 04/KL-HĐĐGTS ngày 07/3/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Phục Hòa kết luận giá trị còn lại của chiếc xe máy BKS 11S1 - 019.7x là 10.800.000đồng.

Quá trình điều tra Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn T1 đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu ở trên.

Ngày 11/5/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Phục Hòa đã trả chiếc xe máy BKS 11S1 - 019.7x cho chủ sở hữu Nguyễn Văn Anh H.

Đối với Phạm Quang A là chủ hiệu cầm đồ Phương Bắc, khi nhận cầm đồ không biết chiếc xe máy do phạm tội mà có nên không xem xét xử lý trách nhiệm hình sự.

Tại bản cáo trạng số: 14/CT-VKSPH ngày 29/5/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phục Hòa đã truy tố Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T1 về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo quy định tại Khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phục Hòa vẫn giữ nguyên cáo trạng truy tố; Sau khi đánh giá về tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng giảm

nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T1 phạm tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 175; điểm h Khoản 1 Điều 52; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự; Xử phạt: Nguyễn Văn T từ 09 đến 12 tháng tù;

- Áp dụng Khoản 1 Điều 175; điểm i, điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự; Xử phạt: Nguyễn Văn T1 từ 06 đến 09 tháng tù.

- Về vật chứng vụ án: Xử lý theo quy định của pháp luật.

- Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Người bị hại Nguyễn Văn Anh H xác nhận đã nhận lại chiếc xe máy và không có yêu cầu gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Quang A có ý kiến: Chiếc xe máy BKS 11S1 - 019.7x đã bị cơ quan điều tra Công an huyện Phục Hòa thu giữ nên tôi yêu cầu các bị cáo phải trả lại cho tôi số tiền 8.500.000đồng.

Các bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phục Hòa đã truy tố, không có ý kiến tranh luận gì. Các bị cáo nhất trí trả lại cho anh Phạm Quang A số tiền là 8.500.000 đồng, trong đó bị cáo T trả 4.500.000đồng, bị cáo T1 trả 4.000.000đồng.

Khi nói lời sau cùng, các bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Phục Hòa, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phục Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Lời khai nhận tội của các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T1 tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người bị hại và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, có đủ cơ sở xác định: Khoảng 00 giờ ngày 06/02/2018, lợi dụng H đi vắng, T và T1 đã mang chiếc xe máy BKS 11S1-019.7x trị giá 10.800.000đồng mà H cho mượn đến hiệu cầm đồ Phương Bắc tại xã M, huyện S, Hà Nội cầm đồ được 8.500.000đồng. Số tiền cầm xe T và T1 dùng trả nợ chung hết 4.000.000đồng, số còn lại chia nhau sử dụng và tiêu sài cá nhân, sau đó không có tiền chuộc xe để trả cho H.

Do vậy, Viện kiểm sát huyện Phục Hòa truy tố các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T1 về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo quy định tại Khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương nên cần phải xử lý nghiêm.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn T là người khởi xướng và rủ theo Nguyễn Văn T1 thực hiện hành vi phạm tội cùng mình. Năm 2016 bị cáo đã bị kết án về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", bị cáo đã chấp hành án xong nhưng chưa được xóa án tích nay lại phạm tội mới, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo nên xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn T1, sau khi được Nguyễn Văn T rủ theo đã tham gia tích cực thực hiện hành vi phạm tội cùng với T. Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cầm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23/3/2018, đến ngày 16/8/2018 thì vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm không có lý do. Ngày 31/8/2018 bị cáo bị bắt tạm giam. Xét thấy, bị cáo T phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo nên xem xét cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, sau khi xem xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định tương xứng với hành vi các bị cáo đã thực hiện để cải tạo, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Người bị hại Nguyễn Văn Anh H đã nhận lại chiếc xe máy BKS 11S1-019.77, anh Hoàng không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về số tiền 8.500.000 đồng mà các bị cáo đã nhận với cửa hàng cầm đồ của anh Phạm Quang A, anh Phạm Quang A yêu cầu các bị cáo phải trả lại số tiền trên. Tại phiên tòa, các bị cáo cũng nhất trí trả lại cho anh Phạm Quang A số tiền 8.500.000 đồng, nên cần công nhận sự thỏa thuận của các bị cáo và anh Phạm Quang A.

[5] Về vật chứng vụ án xét thấy:

- 01 thẻ căn cước công dân số 001088003853 mang tên Nguyễn Văn T cần trả lại cho bị cáo T.

- 01 sổ hộ khẩu số 241119052 mang tên chủ hộ Nguyễn Văn T1, 01 thẻ căn cước công dân số 001077018131 mang tên Nguyễn Văn T1 cần trả lại cho bị cáo T1.

[6] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo **Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T1** phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

- **Áp dụng:** Khoản 1 Điều 175; điểm h Khoản 1 Điều 52; điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Nguyễn Văn T 09 tháng tù. Thời gian chấp hành án được tính từ ngày 23/3/2018.

- **Áp dụng:** Khoản 1 Điều 175; điểm i, điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Nguyễn Văn T1 06 tháng tù. Thời gian chấp hành án được tính từ ngày 31/8/2018.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 123, 131 Bộ luật dân sự năm 2015; Công nhận sự thỏa thuận của các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T1 và anh Phạm Quang A về việc các bị cáo nhất trí liên đới trả lại cho anh Phạm Quang A - Sinh năm 199x; trú tại: Thôn Đ, xã Q, huyện S, thành phố Hà Nội số tiền 8.500.000 đồng. Trong đó, bị cáo Nguyễn Văn T phải trả 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm ngàn đồng) và bị cáo Nguyễn Văn T1 phải trả 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng).

3. Về xử lý vật chứng vụ án: Áp dụng Khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T: 01 thẻ căn cước công dân số 001088003853 mang tên Nguyễn Văn T.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T1: 01 sổ hộ khẩu số 241119052 mang tên chủ hộ Nguyễn Văn T1, 01 thẻ căn cước công dân số 001077018131 mang tên Nguyễn Văn T1.

(Xác nhận số vật chứng trên Cơ quan cảnh sát điều tra đã chuyển sang Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phúc Hòa, Cao Bằng tại Biên bản giao nhận vật chứng ngày 29/5/2018).

4. Về án phí: Áp dụng Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Buộc các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung vào ngân sách nhà nước.

Buộc các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn T1 có trách nhiệm liên đới nộp 425.000đồng án phí dân sự sơ thẩm để sung vào ngân sách nhà nước.

Các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ tuyên án.

"Trường hợp bản án, quyết định được quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:

- Toà án tỉnh;
- VKS tỉnh;
- VKS huyện;
- CCTHADS huyện;
- CA Huyện;
- Các bị cáo;
- Bị hại;
- THAHS(4);
- L- u HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Thị Thúy

